TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS-ST
Ngày 27/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy,

2. Bà Lê Thị Thanh Hương.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Trác Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HS ngày 15/4/2020; Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 12/5/2020; đối với bị cáo:

Bùi Đức D, sinh năm 1990 tại huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức X, sinh năm 1958 và bà Bùi Thị D, sinh năm 1960 (đã chết); vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo tại ngoại và đang chấp hành biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt.

* Bị hại: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1957. Trú tại: Thôn Th, xã ĐX, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Đã chết)

* Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Cụ Phạm Văn D, sinh năm 1935. Trú tại: Thôn A, xã ĐX, huyện G, tỉnh Hải Dương. (là bố của bị hại);

2. Cụ Phạm Thị Đ, sinh năm 1936. Trú tại: Thôn A, xã ĐX, huyện G, tỉnh Hải Dương. (là mẹ của bị hại). Người đại diện của cụ Đạm là cụ Phạm Văn D, sinh năm 1935. Trú tại: Thôn A, xã ĐX, huyện G, tỉnh Hải Dương;

3. Ông Đinh Văn Kh, sinh năm 1956. Trú tại: Thôn Th, xã ĐX, huyện G, tỉnh Hải Dương. (là chồng của bị hại)

4. Chị Đinh Thị H, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. (là con của bị hại)

5. Chị Đinh Thị H1, sinh năm 1991. Trú tại: Thôn AV, xã ĐX, huyện G, tỉnh Hải Dương. (là con của bị hại)

Người đại diện theo ủy quyền của cụ D, cụ Đ, chị H, chị H1 là: ông Đinh Văn Kh, sinh năm 1956. Trú tại: Thôn Th, xã ĐX, huyện G, tỉnh Hải Dương. (ông Khôi vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Đức X, sinh năm 1958. Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (có mặt).

** Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Phạm Xuân T (tên gọi khác: Q), sinh năm 1961. Trú tại: Thôn Th, xã ĐX, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Đức D là người có giấy phép lái xe hạng A1, được Sở Giao thông vận tải tỉnh Hải Dương cấp ngày 22/12/2010, có giá trị không thời hạn. Khoảng 06 giờ 20 ngày 03/9/2019, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34E1-047.84 đi trên đường tỉnh lộ 392 theo hướng Cầu R, huyện N đi ngã tư B, xã QM, huyện G, tỉnh Hải Dương. Khi đi đến km 22+440 đường tỉnh lộ 392 thuộc địa phận thôn Th, xã ĐX, huyện G, tỉnh Hải Dương, tại đây mặt đường rộng 5,6m, giữa đường có vạch sơn phân chia làn đường. Tại rìa đường bên phải theo hướng đi của D có các biển cảnh báo nguy hiểm: Biển W245a *(đi chậm)*, biển W227 *(công trường)*, biển W207a *(giao nhau với đường không ưu tiên)*. D quan sát phía trước cách khoảng 20m đến 30m thấy bà Phạm Thị L, sinh năm 1957, trú tại: thôn Th, xã ĐX, huyện G, tỉnh Hải Dương đang điều khiển xe đạp hướng ngược chiều. Bà L đi ở phần đường bên trái theo hướng đi và là bên phải theo hướng đi của D. Khi cách xe mô tô do D điều khiển một đoạn khoảng 2m đến 3m, bà L bất ngờ điều khiển xe đạp đi sang phần đường bên phải theo hướng đi. Do D điều khiển xe mô tô đi nhanh, khi qua khu vực có biển cảnh báo nguy hiểm đã không chú ý giảm tốc độ (có thể dừng lại một cách an toàn) nên khi bà L điều khiển xe đạp đi qua đường, để tránh bà L, D đã lái xe đi sang phần đường bên trái- phần đường dành cho các phương tiện đi ngược chiều, dẫn đến bánh trước, chắn bùn phía trước của xe mô tô do D điều khiển va chạm vào vành bánh trước bên trái và giỏ xe bên trái chiếc xe đạp do bà L điều khiển làm xe đạp đổ, bà L bị ngã xuống đường.

Tại hiện trường còn để lại vết cày do xe đạp tạo lên dài 0,4m, nằm trên vạch sơn màu vàng giữa tim đường, có chiều hướng Ninh Giang đi ngã tư B, xã Q, huyện G, điểm đầu cách mép đường phải 2,55m, điểm cuối cách mép đường phải 2,50m theo hướng đi của xe mô tô. Bà L bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương. Hồi 07 giờ 12 phút ngày 05/9/2019, bà L tử vong tại nhà riêng sau khi được gia đình đưa về nhà. Xe đạp và xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

* Tại Bản Kết luận Giám định pháp y về tử thi số 237/GĐPY ngày 13/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hải Dương giám định đối với bà Phạm Thị L đã kết luận:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vỡ xương trán đỉnh phải, xương trần hốc mắt trái, tụ máu ngoài màng cứng vùng trán- đỉnh- thái dương hai bên. Đã phẫu thuật sọ não, lấy xương sọ giảm áp.

- Tổn thương phần mềm rải rác.

2. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não (vỡ xương sọ, tụ máu ngoài màng cứng đã phẫu thuật, không khôi phục) ..."

* Tại Kết luận giám định số 6099/C09-P6 ngày 25/10/2019 của Viện Khoa học hình sự- Bộ Công an đã kết luận:

"- Không tìm thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file video gửi giám định.

- Tại thời điểm 03-09-2019 05:58:14 (theo thời gian hiển thị trên màn hình) xe mô tô va chạm với xe đạp tại phía bên trái vạch phân chia làn đường tính theo hướng đi của xe mô tô."

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bùi Đức D không có ý kiến hay khiếu nại gì về Bản kết luận giám định pháp y về tử thi của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, bản kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an về hình ảnh dữ liệu ghi thu trong USB và điểm va chạm trên đường giữa xe mô tô và chiếc xe đạp. Bị cáo đã khắc phục hậu quả, tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại toàn bộ chi phí cứu chữa, mai táng, tổn thất tinh thần, sửa chữa xe đạp..., với tổng số tiền là 105.000.000đồng, gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 03/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Gia Lộc truy tố Bùi Đức D về tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 BLHS; khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Bùi Đức D phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"; xử phạt bị cáo Bùi Đức D từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã H,

huyện N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết; Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số AQ 640208 mang tên Bùi Đức D; Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và tỏ thái độ ăn năn, công nhận quyết định truy tố và luận tội của VKSND huyện Gia Lộc đối với bị cáo là đúng; bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án treo, cải tạo tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Bùi Đức X xác định ông đã nhận lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34E1-047.84, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra- Công an huyện Gia Lộc, Điều tra viên, VKSND huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đảm bảo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Những người tham gia tố tụng trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa, vắng mặt những người đại diện hợp pháp của bị hại và người làm chứng. Xét thấy, trong quá trình điều tra họ đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án, những người đại diện hợp pháp của bị hại đã có giấy ủy quyền cho ông Đinh Văn Kh, ông Kh đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Như vậy, việc ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại là hợp pháp, ông Kh, người làm chứng vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại và người làm chứng.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông, bản kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan, khám nghiệm tử thi, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án,

người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Bùi Đức D có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo đúng quy định. Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 03/9/2019, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34E1-047.84 đi trên đường tỉnh lộ 392 theo hướng Cầu R, huyện N, tỉnh Hải Dương đi ngã tư B, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương. Khi đến Km 22+440 đường tỉnh lộ 392 thuộc địa phận thôn Thọ Xương, xã ĐX, huyện G, tỉnh Hải Dương, do D điều khiển xe mô tô đi nhanh, khi qua khu vực có các biển cảnh báo nguy hiểm đã không chú ý giảm tốc độ (có thể dừng lại một cách an toàn), đi không đúng phần đường quy định nên đã va chạm với chiếc xe đạp do bà Phạm Thị L, sinh năm 1957 ở thôn Thọ Xương, xã ĐX, huyện G, tỉnh Hải Dương điều khiển đi qua đường từ trái sang phải theo hướng đi, điểm va chạm tại phía bên trái vạch phân chia làn đường tính theo hướng đi của xe mô tô do D điều khiển. Hậu quả bà L tử vong, xe đạp và xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Đức D đã vi phạm quy định của Luật Giao thông đường bộ, cụ thể tại khoản 1 Điều 9- Quy tắc chung; Điều 12- Tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe: "*1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ" (theo Điều 9); ...;* Vi phạm quy định tại Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ: "*Điều 5. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:*

1. Có biển cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường"...

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ, bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, không chấp hành Luật Giao thông đường bộ, hậu quả gây tử vong cho bà Phạm Thị L, tài sản bị hư hỏng nhẹ, hành vi đó đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. VKSND huyện Gia Lộc truy tố bị cáo Bùi Đức D về tội danh và điều khoản theo Bộ luật Hình sự như trên là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, hậu quả gây thiệt hại cho tính mạng của người khác, tài sản bị hư hỏng nhẹ. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo, góp phần lập lại trật tự trên lĩnh vực giao thông đường bộ.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả đối với gia đình bị hại; gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong vụ án này, bị hại bà Phạm Thị L cũng có lỗi một phần khi tham gia giao thông, là một trong những nguyên nhân dẫn đến tai nạn: Trước khi va chạm xảy ra, bà L đi ở phần đường bên trái theo chiều đi của bà, thuộc phần đường bên phải theo hướng đi của xe bị cáo; bà L chuyển hướng đi sang đường đã không chú ý quan sát, không có tín hiệu sang đường và không nhường đường cho các phương tiện đang đi trên đường chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy bị cáo là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Ngay sau khi xảy ra tai nạn, bị cáo đã tích cực cùng mọi người đưa bị hại đi cứu chữa. Bị cáo phạm tội lần đầu với lỗi vô ý, bị truy tố ở điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm nhưng một trong những nguyên nhân gây ra tai nạn khiến bị hại tử vong có một phần lỗi của bị hại. Căn cứ các quy định tại Điều 65 BLHS, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, HĐXX thấy không nhất thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đồng thời thể hiện giá trị nhân đạo, chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi lại, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

- Bị cáo đã tự nguyện bồi thường dân sự cho gia đình bị hại tổng số tiền 105.000.000đồng, những người đại diện cho bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Do đó, HĐXX không giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đức X xác định: Năm 2011, ông mua chiếc xe mô tô BKS 34E1-047.84, nhãn hiệu Honda, loại xe VISION, màu trắng đen, bạc và cho con gái ông là chị Bùi Thị Gi đứng tên trong giấy đăng ký xe để sử dụng thuận tiện. Năm 2013, chị Gi đã trả lại ông chiếc xe mô tô này. Ông X lại cho con trai là Bùi Đức D sử dụng làm phương tiện đi lại. Do chị Gi đang sinh sống ở nước ngoài và là người trong gia đình nên chưa làm thủ tục để chuyển tên giấy đăng ký xe. Ông X xác định xe mô tô biển kiểm soát 34E1-047.84 là thuộc quyền sở hữu của ông. Tại giai đoạn điều tra, cơ

quan điều tra- Công an huyện Gia Lộc đã trả lại chiếc xe mô tô nói trên cho ông, ông không đề nghị bị cáo phải bồi thường gì.

Đối với chiếc xe đạp của bà Phạm Thị L bị hư hỏng nhẹ, gia đình bị hại cũng đã nhận lại xe ở giai đoạn điều tra và không có ý kiến gì.

Xét thấy, các bên đã thỏa thuận giải quyết xong phần trách nhiệm dân sự; việc trả lại xe mô tô và chiếc xe đạp cho chủ sở hữu của cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không phải giải quyết.

- Đối với 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số: AQ 640208 mang tên Bùi Đức D do Sở Giao thông vận tải tỉnh Hải Dương cấp ngày 22/12/2010: Bị cáo không bị áp dụng hình phạt bổ sung, sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi lại nên cần trả lại cho bị cáo giấy phép lái xe là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Đức D phạm tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Bùi Đức D 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Đức D cho chính quyền Uỷ ban nhân dân xã Hồng Phúc, huyện N, tỉnh Hải Dương- nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số AQ 640208 mang tên Bùi Đức D do Sở Giao thông vận tải tỉnh Hải Dương cấp ngày 22/12/2010.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/5/2020).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự- Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ- Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Ngọc Mai